

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 03 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST – DS, ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: B - B N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thế T, Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ.

Theo quyết định uỷ quyền số: 4039/2024/QĐ-PC, ngày 27/12/2024 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: B H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T1; sinh năm: 1970 và bà Đào Thị D1; sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ: TDP C, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải thanh toán:

Ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 14/3/2025, là: 827.670.630 đồng; trong đó nợ gốc: 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.529.863 đồng, nợ lãi trong hạn

quá hạn: 116.657 đồng, nợ lãi quá hạn: 22.024.110 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2025 đến ngày ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín 202327355320 ngày 25/12/2023; Giấy nhận nợ số LD2336200486 ký ngày 28/12/2023. Thời hạn trả nợ là ngày 14/6/2025.

Nếu ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm:

1. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 506550, thửa đất số 98, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.446,4m² đất nuôi trồng thủy sản tại TDP C - Thị trấn Đ - Huyện Đ - Tỉnh Kon Tum do UBND Huyện Đ - Tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/11/2020 cho ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1.

2. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 484054, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 13, diện tích 3120m², trong đó đất ở tại đô thị 250m², đất trồng cây hàng năm khác 2780m² tại TDP C - Thị trấn Đ - Huyện Đ - Tỉnh Kon Tum do Sở Tài nguyên và môi trường Tỉnh K cấp ngày 14/10/2020 cho ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

- **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), các đương sự phải chịu, ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do hòa giải thành nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải thanh toán, tính được là: 18.415.059 đồng (*Mười tám triệu bốn trăm mười lăm ngàn không trăm năm mươi chín đồng*). Số tiền này, ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị D1 thỏa thuận nhận chịu toàn bộ.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.852.132 đồng (*Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai ngàn một trăm ba mươi hai đồng*) theo biên lai số: 0001502 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn Nurm